

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 50/2024/DS-ST

Ngày: 23-05-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai
2. Ông Phan Kiên Nhẫn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tín - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLST-DS, ngày 22/01/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-DS, ngày 05/04/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST-DS, ngày 03/05/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị T**, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hùng T**, sinh năm 1983 (có mặt)

Chị **Nguyễn Kiều G**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Đỗ Thị T** trình bày:

Vào năm 2022, chị có tham gia chơi 01 dây hụi tháng do vợ chồng chị Nguyễn Kiều G và anh Nguyễn Hùng T là đầu thảo hụi cụ thể như sau:

Hụi tháng: Hụi khai ngày 12/05/2022 (*duyệt lịch*). Chị có tham gia đây hụi tháng 1.000.000đ, 1 tháng khai một lần, huê hồng là 400.000đ, gồm 17 phần hụi, chị tham gia 01 phần. Đây hụi đã mãn ngày 12/09/2023 (*duyệt lịch*). Chị là người hốt chót, trừ 400.000đ đầu T, số tiền thực tế hốt được là 15.600.000đ; anh T giao cho chị số tiền 5.600.000đ vào ngày 18/09/2023 (*duyệt lịch*). Số tiền anh T, chị G còn nợ lại chị là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), trả từ từ, chị có gặp anh T thì hứa là mỗi tháng trả 2.000.000đ, nhưng không trả luôn. Chị đã nhiều lần yêu cầu anh T, chị G trả tiền hụi còn lại cho chị, nhưng anh T nói không có tiền trả cho tới nay.

Nay chị yêu cầu anh Nguyễn Hùng T, chị Nguyễn Kiều G trả số tiền nợ hụi là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn anh Nguyễn Hùng T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Anh không biết hụi khai ngày nào, chơi hụi gì, với bao nhiêu người thì anh không biết, lúc khai hụi anh không có tham gia. Lúc khai hụi ở ngoài quán, sau này vô nhà thì anh mới biết. Khi chị T nói anh là chị T hốt chót nên anh mới đi thu tiền hụi của các hụi viên chết để giao cho chị T, anh thu được 5.600.000đ nên giao cho chị T, còn lại nợ lại 10.000.000đ, còn lại chị G sẽ trả khi đi làm, nhưng chị G đi từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay không đưa tiền cho anh nên anh chưa trả được số tiền nào cho chị T hết; anh, chị G và chị T không có làm văn bản thỏa thuận gì về việc ai sẽ trả tiền này, nên không có tiền trả, chị T khởi kiện cho đến nay.

Nay anh không đồng ý trả số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) còn lại cho chị T vì đây là nợ riêng của chị G, chị G làm hụi không có đóng góp, sử dụng gì trong gia đình. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

- *Bị đơn chị Nguyễn Kiều G vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có trình bày.*

- *Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện là yêu cầu anh T, chị G có trách nhiệm trả cho chị số tiền nợ hụi là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.*

- *Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hùng T trình bày là anh có biết chị G chơi hụi, nhưng không biết vợ chơi hụi với ai, bao nhiêu đây, sau khi chị G không tổ chức khai hụi thì anh tổ chức khai hụi và có trả cho chị T số tiền 5.600.000đ, nên số tiền nợ còn lại là nợ riêng của chị G, không đồng ý trả cho chị T.*

- *Bị đơn chị Nguyễn Kiều G vắng mặt nên không trình bày.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn chị G vắng mặt là chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 92, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 15, 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 quy định về hộ, hội, biên phường; Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chi Đỗ Thị T

Buộc bị đơn anh Nguyễn Hùng T, chị Nguyễn Kiều G phải liên đới trả cho nguyên đơn chị Đỗ Thị T số tiền nợ hụi còn lại là 10.000.000đ, trong đó mỗi người phải trả theo phần bằng nhau là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*)

Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Hùng T, chị Nguyễn Kiều G phải chịu án phí là 500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, trong đó mỗi người phải chịu là 250.000đ.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Chị Đỗ Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn anh Nguyễn Hùng T, chị Nguyễn Kiều G có trách nhiệm trả lại cho chị số tiền nợ hui nên đây là “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”; bị đơn cư trú tại xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2019 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 2 bị đơn chị Nguyễn Kiều G vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn đưa vụ án ra xét xử theo khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Chị Đỗ Thị T yêu cầu anh Nguyễn Hùng T, chị Nguyễn Kiều G có trách nhiệm trả cho chị số tiền nợ hui là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Xét thấy giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Hùng T, chị Nguyễn Kiều G có giao kết hợp đồng góp hui, sự việc được anh T, chị T thừa nhận nên không cần chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi lời khai, đối chất giữa anh T và chị T thì anh T cho rằng anh không biết chị G làm đầu T khi nào, đến khi bề hui thì anh biết, anh có thu tiền hui và xuất tiền trả cho chị T số tiền 5.600.000đ, còn lại chị G phải trả cho chị T số tiền còn lại 10.000.000đ.

Xét thấy, chị Nguyễn Kiều G làm đầu T hui trong thời kỳ hôn nhân là vợ của anh Nguyễn Hùng T, việc khai hui là công khai nhiều người cùng biết, cụ thể là bà Trần Thị V, sinh năm 1968, chị Phùng Thị Thanh T, sinh năm 1987, bà Phan Thị H, sinh năm 1966 cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đều tham gia chơi hui chung đây hui với chị T và đều khẳng định anh T biết việc chị G mở hui và thu tiền hui cho chị G, nên có căn cứ chị G làm đầu T hui anh T biết và việc chơi hui này là để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, hơn nữa trong quá trình thụ lý, giải quyết bị đơn chị Nguyễn Kiều G không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, việc vắng mặt tại nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết của chị G thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b, khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015, chị Nguyễn Kiều G là vợ của anh Nguyễn Hùng T có kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 93, ngày 23/06/2010 của UBND xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đến ngày 10/01/2024 thì hai bên được Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 15/2024/QĐST-HNGĐ, trong đó chỉ giải quyết vấn đề hôn nhân và con chung, mà chưa giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung, việc mở hui của chị G diễn ra trong thời kỳ hôn nhân nên anh Nguyễn Hùng T phải có nghĩa vụ liên đới với chị Nguyễn Kiều G để trả số tiền nợ hui cho chị Đỗ Thị T theo quy định tại Điều 27 và khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên hiện tại chị G và anh T đã ly hôn nên nghĩa vụ trả nợ cần được chia theo phần để thực hiện theo quy định tại Điều 290 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu tính lãi của chị T: Do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị T buộc anh Nguyễn Hùng T, chị Nguyễn Kiều G phải có trách nhiệm trả cho chị T số tiền nợ hui là 10.000.000đ, trong đó mỗi người phải trả là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*)

[2.2]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bị đơn anh Nguyễn Hùng T, chị Nguyễn Kiều G phải chịu án phí đối với phần nguyên đơn được chấp nhận (10.000.000 x 5%) là 500.000đ, trong đó mỗi người phải trả là 250.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 74, 91, 92, 147, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b, khoản 2 Điều 277, 290, khoản 2 Điều 468, 471 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị T.

[1]. Buộc anh Nguyễn Hùng T, chị Nguyễn Kiều G phải liên đới trả cho chị Đỗ Thị T số tiền nợ hui là 10.000.000đ, trong đó anh T, chị G mỗi người phải trả là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. *Về án phí:* Buộc bị đơn anh Nguyễn Hùng T, chị Nguyễn Kiều G phải chịu án phí là 500.000đ, trong đó mỗi người phải trả là 250.000đ (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho chị Đỗ Thị T số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0013874, ngày 09/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo